

KẾ HOẠCH HỌC TẬP KHÓA 45

Ngành học: Sư phạm Ngữ văn

Mã ngành: 7140217

Đơn vị quản lý: Khoa Sư phạm

Hệ đào tạo chính quy

Bộ môn: Sư phạm Ngữ văn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi chú
Học kỳ 1										
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30				
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30				
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		20	65			
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		10	10			
5	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				
6	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				
7	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2		30				
		Cộng	13	13	0					
Học kỳ 2										
1	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1					
2	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4		4	60				
3	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4			60				
4	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
5	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009		
6	SP512	Văn học dân gian Việt Nam	3	3		45				
7	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				
8	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	
9	SG294	Ngữ âm học tiếng Việt	2	2		30				
10	SP515	Văn học Việt Nam trung đại 1 (thế kỷ X - nửa đầu XVIII)	2	2		30				
		Cộng	20	15	5					
Học kỳ 3										
1	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
2	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3		3	45		FL001		
3	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		
4	SP513	Nguyên lý lý luận văn học	2	2		30				
5	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010		
6	SG212	Văn học Việt Nam trung đại 2 (nửa cuối XVIII - nửa đầu XIX)	3	3		45		SP515		

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi chú
7	SG295	Từ vựng học tiếng Việt	2	2		30		SG294		
8	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1					
9	KN001	Kỹ năng mềm	2		2	20	20			
10	ML007	Logic học đại cương	2			30				
11	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
12	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				
13	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				
14	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			30				
		Cộng	18	12	6					
Học kỳ 4										
1	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024		
2	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		
3	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
4	SG420	Lý luận dạy học Ngữ Văn & khoa học Xã hội	2	2		30		SP079		
5	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30	SP079		
6	SG374	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	2	2		30		SP513		
7	SG213	Văn học Việt Nam trung đại 3 (nửa cuối thế kỷ XIX)	2	2		30		SG212		
8	SP527	Văn học Châu Âu	3	3		45				
9	SG377	Văn bản Hán văn Trung Quốc	2	2		30				
10	SG296	Từ pháp học tiếng Việt	2	2		30		SG295		
		Cộng	20	15	5					
Học kỳ 5										
1	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
2	SG394	Giáo dục hòa nhập	2		2	30				
3	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2			30		SP079		
4	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục	2	2		15	30	SG439		
5	SG139	Phương pháp dạy học Ngữ Văn	2	2		15	30	SG420		
6	SP597	Kiến tập sư phạm	2	2			60	SP079		
7	SG214	Văn học Việt Nam hiện đại 1 (1900 - 1930)	2	2		30		SG213		
8	SP531	Tiến trình văn học	2	2		30		SG374		
9	SP529	Văn học Nga	2	2		30				

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi chú
10	SG219	Văn bản Hán văn Việt Nam	2	2		30		SG377		
11	SG297	Cú pháp học tiếng Việt	2	2		30		SG296		
		Cộng	20	18	2					
Học kỳ 6										
1	SG350	Thực tế ngoài trường Ngữ Văn	2	2			60	SG350		
2	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1					
3	SG455	Văn bản thông tin và phương pháp dạy văn bản thông tin	2		2	30				
4	SG102	Ngôn ngữ học đại cương	2			30				
5	XN219	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	2			30				
6	SG215	Văn học Việt Nam hiện đại 2 (1930 - 1945)	2	2		30		SG214		
7	SG218	Văn học Châu Á	3	3		45				
8	SP534	Văn học Châu Mỹ	2	2		30				
9	SG220	Văn bản chữ Nôm	2	2		30		SG219		
10	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30				
11	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ Văn & khoa học Xã hội	2	2		30		SG420		
12	SG208	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ Văn	2	2		15	30	TN034		
		Cộng	20	17	3					
Học kỳ 7										
1	SG209	Tập giảng Ngữ Văn	2	2			60	SG207		
2	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ Văn & khoa học Xã hội	2	2		15	30	SG139		
3	SG216	Văn học Việt Nam hiện đại 3 (1945 - 1975)	2	2		30		SG215		
4	SG217	Văn học Việt Nam hiện đại 4 (1975 - 2000)	2	2		30		SG215		
5	SG298	Ngữ dụng học tiếng Việt	2	2		30		SP533		
6	SP533	Phong cách học tiếng Việt	2	2		30		SG297		
	SG454	Văn bản nghị luận và phương pháp dạy văn bản nghị luận	2	2			60	SG139		
7	SG011	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30				
		Cộng	16	16	0					
Học kỳ 8										
1	SP598	Thực tập sư phạm	3	3			90	SG209, SP597		

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi chú
2	SP540	Luận văn tốt nghiệp – SP. Ngữ Văn	10		10		300	≥ 105 TC		
3	SP539	Tiểu luận tốt nghiệp - Ngữ Văn	4							
4	SP536	Thơ Đường trong nhà trường phổ thông	2							
5	SG299	Từ Hán Việt với việc giảng dạy Ngữ Văn ở trường THPT	2							
6	SP535	Vấn đề đổi mới trong văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX	2							
7	SP537	Văn xuôi quốc ngữ Nam bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX	2							
8	SP596	Văn học Đồng bằng sông Cửu Long sau 1975	2							
9	SP538	Ý thức cá nhân trong Thơ Mới	2							
		Cộng	13	3	10					
		Tổng	141	110	31					

(*): các học phần điều kiện không tính điểm trung bình chung tích lũy

Cần Thơ, ngày 30 tháng 8 năm 2019

Hội đồng KH&ĐT
Chủ tịch

Khoa Sư phạm
P.Trưởng Khoa

Bộ môn Sư phạm Ngữ văn
Trưởng Bộ môn





Lâm Quốc Anh

Huỳnh Anh Huy

Nguyễn Thị Hồng Hạnh